

**BÁO CÁO**

**tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU ngày 13/3/2014  
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng  
nhằm ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi tệ nạn nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc"  
trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh**

-----

Ngày 13/3/2014, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 30-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nhằm ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi tệ nạn nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh (viết tắt là *Chỉ thị số 30-CT/TU*). Hơn 10 năm qua, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU đạt một số kết quả như sau:

**I. Tình hình chung**

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh gồm 61 xã và 08 thôn thuộc 05 huyện miền núi (*Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng*) và 03 huyện đồng bằng (*Bình Sơn, Tư Nghĩa và Nghĩa Hành*). Tổng diện tích tự nhiên toàn vùng trên 3.249,32 km<sup>2</sup> (*chiếm 63,02% diện tích của tỉnh*). Dân số toàn vùng khoảng 251.649 người (*với 66.272 hộ*); tính đến ngày 31/12/2023, toàn vùng có 54.582 hộ đồng bào dân tộc thiểu số với 201.881 khẩu (*chiếm 14,09% dân số toàn tỉnh*) gồm các dân tộc Hrê, Co, Ca dong (*chiếm đa số*) và một số dân tộc ít người khác.

Trong thời gian qua, kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân toàn tỉnh nói chung, đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng từng bước được nâng lên. Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ổn định. Các cơ quan trong hệ thống chính trị, các địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các địa phương miền núi tích cực phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Qua đó, nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc với Đảng và Nhà nước; tăng cường cảnh giác, không để kẻ xấu lôi kéo, kích động, lợi dụng, góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tuy nhiên, đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu sinh sống ở các huyện miền núi, thuộc vùng sâu, vùng xa, địa hình hiểm trở, dân cư thưa thớt; trình độ dân trí còn thấp, đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, thiếu thôn; một số

hủ tục lạc hậu vẫn còn tồn tại trong tiềm thức của người dân chưa được xóa bỏ, trong đó tệ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" vẫn đang tồn tại và tiếp tục diễn ra trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh trong thời gian qua.

## **II. Kết quả triển khai, thực hiện**

### ***1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện***

#### ***1.1. Về quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện***

- Sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 30-CT/TU, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đã nghiêm túc quán triệt, tuyên truyền và tổ chức triển khai thực hiện bằng nhiều hình thức phong phú, phù hợp với phong tục, tập quán của mỗi địa phương<sup>1</sup>, góp phần tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành và nhân dân, giúp ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh.

- Để triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 30-CT/TU, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện<sup>2</sup>; phân công cán bộ, đảng viên phụ trách từng nhóm hộ gia đình trong thôn, khu dân cư gắn với việc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.

#### ***1.2. Công tác phối hợp của các cấp, các ngành, địa phương trong quán triệt, triển khai thực hiện***

- Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với các ngành, địa phương tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy giải quyết các vấn đề tồn tại, bức xúc, nổi cộm trong nhân dân, trong đó có tệ nạn nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc"; tập trung các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các địa phương vùng đồng

---

<sup>1</sup> Thông qua các cuộc vận động, các phong trào thi đua; các buổi họp hoặc sinh hoạt thôn, tổ, chi hội, chi đoàn tổ chức tuyên truyền, vận động cho cán bộ, đảng viên, nhân dân về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước và các Chương trình mục tiêu Quốc gia, Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 19/10/2016 của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số đáp ứng nhu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững. Hàng năm, thông qua các buổi tiếp xúc đối thoại trực tiếp giữa bí thư các cấp ủy đảng với nhân dân, ngoài việc lắng nghe và trả lời những kiến nghị, tâm tư nguyện vọng của nhân dân, đã lồng ghép tổ chức phổ biến tuyên truyền, quán triệt các nội dung của Chỉ thị số 30-CT/TU đến nhân dân, trong đó tập trung cho vùng miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số; các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền trực tiếp tại các cuộc họp dân; các hoạt động, sinh hoạt của mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tại các thôn và khu dân cư.

<sup>2</sup> UBND tỉnh ban hành Công văn số 1043/UBND-ĐNMMN ngày 27/3/2014 về tăng cường sự chỉ đạo nhằm ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi tệ nạn nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" trên địa bàn các huyện miền núi. Huyện ủy Ba Tơ: Công văn số 1056-CV/HU ngày 20/3/2014 về việc triển khai Chỉ thị số 30-CT/TU; Quyết định số 2925-QĐ/HU ngày 03/11/2014 về thành lập tổ nắm bắt, nghiên cứu và giải quyết tình hình nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" trong đồng bào dân tộc H're trên địa bàn huyện và Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 14/7/2017 của Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ngăn chặn, đẩy lùi các phong tục, tập quán lạc hậu trên địa bàn huyện. Huyện ủy Minh Long: Kế hoạch số 99-KH/HU ngày 08/9/2014 về thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU. Huyện ủy Sơn Hà: Công văn số 884-CV/HU ngày 02/4/2014 về thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU; Công văn số 1193-CV/HU ngày 03/02/2015 về công tác tuyên truyền xóa bỏ tệ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc", cúng bái chết người trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 16-KH/HU ngày 16/02/2016 về triển khai mô hình hai không "Không nghi kỵ đồ độc; không phá rừng lấn chiếm đất đai" trên địa bàn huyện. Huyện ủy Trà Bồng: Công văn số 1579-CV/HU ngày 20/3/2014 chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, định hướng về mặt nội dung của Chỉ thị số 30-CT/TU.

bào dân tộc thiểu số và miền núi trong tuyên truyền các giá trị truyền thống; bài trừ, xóa bỏ các tệ nạn, hủ tục lạc hậu, trong đó có tệ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc". Phối hợp với Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 tổ chức Chương trình "Cảnh sát biển với đồng bào dân tộc, tôn giáo" tại các huyện miền núi nhằm tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các hệ lụy của các tệ nạn, hủ tục lạc hậu và nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc"; thực hiện công tác an sinh xã hội<sup>3</sup>.

- Ban dân vận cấp ủy đã thực hiện tốt công tác phối hợp với các cấp chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU. Qua đó, đem lại kết quả tốt trong công tác giáo dục, tuyên truyền, vận động, thuyết phục, giải quyết triệt để các mâu thuẫn, nghi ngờ nảy sinh tư tưởng nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" trên địa bàn. Đồng thời, vận động nhân dân thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phát triển kinh tế hộ gia đình, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, giảm nghèo bền vững.

### *1.3. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết*

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU.

- Hằng năm, các địa phương ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc gắn với Chỉ thị số 30-CT/TU. Qua đó, kịp thời động viên, biểu dương những tập thể và cá nhân tổ chức thực hiện tốt, đồng thời phê bình, nhắc nhở với những đơn vị triển khai thực hiện chưa đạt hiệu quả.

- Việc sơ kết, tổng kết thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU; các chủ trương, chính sách về công tác dân vận, dân tộc được thực hiện bảo đảm theo đúng quy định<sup>4</sup>.

## **2. Kết quả sau 10 năm thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU**

### *2.1. Tình hình các vụ việc liên quan đến tệ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" trước khi có Chỉ thị số 30-CT/TU*

Trước khi có Chỉ thị số 30-CT/TU, tình hình nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" diễn biến phức tạp, xảy ra ở hầu hết địa bàn các huyện miền núi và hằng

<sup>3</sup> Từ năm 2021 đến nay, Ban Dân vận Tỉnh ủy đã phối hợp với Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 2 tổ chức 08 đợt tuyên truyền và trao tặng quà, hỗ trợ xây dựng nhà "Đại đoàn kết" cho hộ nghèo, hộ dân có đạo là người dân tộc thiểu số với tổng trị giá hơn 01 tỷ đồng.

<sup>4</sup> Báo cáo sơ kết: 05 thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU; 05 năm thực hiện Kết luận số 43-KL/TW ngày 07/01/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới. Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới.

năm đều tăng về số vụ với tính chất, mức độ ngày càng nghiêm trọng, tác động không nhỏ đến tâm lý, tư tưởng của đồng bào dân tộc thiểu số và tình hình an ninh, trật tự ở địa phương. Những vụ việc liên quan đến nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" xảy ra trên địa bàn miền núi với tính chất khá phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh, trật tự, nếu không kịp thời giải quyết dứt điểm sẽ phát sinh thành "điểm nóng", ảnh hưởng đến tình hình sản xuất, sinh hoạt và đời sống, gây mất đoàn kết trong cộng đồng dân cư, gây hoang mang cho người dân trong vùng; các phần tử chống đối lợi dụng để phá hoại chủ trương phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương miền núi, phá vỡ khối đoàn kết dân tộc. Khi xảy ra vụ việc liên quan đến nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" thường dẫn đến xô xát mâu thuẫn giữa người bị tình nghi với nhân dân, hàng xóm, láng giềng xung quanh. Những người bị tình nghi có hoạt động "cầm đồ thuốc độc" thường bị dân làng xa lánh, không còn uy tín, danh dự, nhiều người bị tình nghi đã bỏ làng đi sinh sống nơi khác, không dám ở lại địa phương; thậm chí có nhiều trường hợp bị đánh chết, bị thương phải xử lý hình sự. Từ năm 2003 - 2014, trên địa bàn các huyện miền núi đã xảy ra 164 vụ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" (có Phụ lục 1 kèm theo), làm 07 người chết (bị giết: 04, tự tử: 03), 14 người bị thương, khởi tố 04 vụ với 12 bị can, thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 50 triệu đồng.

## 2.2. Về phát huy vai trò của hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, người có uy tín trong thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU

- Các cấp ủy đảng đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, nâng cao chất lượng của tổ chức đảng, xây dựng bộ máy chính quyền vững mạnh, đáp ứng khả năng chỉ đạo, điều hành, phát huy hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; 100% thôn, khu dân cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số có tổ chức đảng.

- Lực lượng công an đã chủ động phối hợp với các ngành liên quan thường xuyên tổ chức phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn lòng ghép tuyên truyền, vận động bài trừ mê tín dị đoan, tập tục lạc hậu, trong đó có tệ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc"; kịp thời phát hiện và giải quyết dứt điểm dư luận của nhân dân liên quan đến nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" ngay tại cơ sở; tập trung tuyên truyền, lý giải những hiện tượng, sự việc theo quan niệm của đồng bào dân tộc thiểu số cho là bị "đồ độc" trên cơ sở luận cứ khoa học để phản bác những quan niệm, tập tục lạc hậu, từng bước làm chuyển biến tư tưởng không tin, không sợ "đồ độc". Hàng năm, duy trì và tổ chức thực hiện có hiệu quả diễn đàn "Công an xã lắng nghe ý kiến của Nhân dân"; xây dựng 137 mô hình trong phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Lực lượng công an các cấp đã tranh thủ 5.196 lượt người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tham gia giải quyết những vụ việc liên quan đến an ninh, trật tự và nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc", nhất là ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa; tổ chức cho thầy cúng, thầy mo ký

cam kết không nghị kỵ "cầm đồ thuốc độc".

- Huyện ủy các huyện miền núi đã lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đảng ủy các xã, thị trấn tăng cường công tác nắm tình hình tư tưởng, tâm tư nguyện vọng của nhân dân, kịp thời phát hiện khi có dấu hiệu mâu thuẫn, liên quan đến nghị kỵ "cầm đồ thuốc độc" để tuyên truyền, giải thích, ngăn chặn ngay tại cơ sở, không để nhân dân tự giải quyết bằng hình thức phạt vạ lẫn nhau. Đồng thời, chỉ đạo điều tra, xác minh làm rõ, đưa ra kiểm điểm trước dân đối với các vụ nghị kỵ "cầm đồ thuốc độc" nhằm giáo dục, răn đe ngay tại địa bàn thôn, khu dân cư, không để xảy ra điểm nóng ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động; thường xuyên sâu sát cơ sở, lắng nghe và đề xuất, phối hợp giải quyết kịp thời các đề nghị, yêu cầu chính đáng của người dân, hạn chế tình trạng khiếu kiện, khiếu nại trong nhân dân; tham gia giải quyết, hòa giải các vụ việc liên quan đến nghị kỵ "cầm đồ thuốc độc"; phát huy vai trò lực lượng người có uy tín trong công tác vận động đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng đời sống văn hóa ngày càng văn minh, không có các tệ nạn xã hội nghiêm trọng và tệ nghị kỵ "cầm đồ thuốc độc".

- Lực lượng người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số đã thực sự phát huy vai trò nòng cốt và có sự đóng góp quan trọng trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự ở các huyện miền núi, vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Đã có nhiều mô hình hay, cách làm tốt được triển khai và nhân rộng; tham gia giải quyết tốt các vụ việc liên quan đến tệ nghị kỵ "cầm đồ thuốc độc"; giải thích cho bà con hiểu rõ về những tác hại của mê tín dị đoan, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; giải quyết những mâu thuẫn, tranh chấp trong nhân dân ngay từ cơ sở.

### *2.3. Về phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống và dân trí cho đồng bào dân tộc thiểu số để thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 30-CT/TU*

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ và thực hiện tốt các chủ trương của Trung ương và của tỉnh về công tác dân tộc, chính sách dân tộc và phát triển kinh tế - xã hội các huyện miền núi<sup>5</sup> đạt được những kết quả tích cực, cụ thể:

- Về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG): Nguồn lực đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn các huyện miền núi từ các Chương

<sup>5</sup> Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 20/10/2015 của Ban Bí thư về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Kế hoạch số 249-KH/TU ngày 21/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân tộc.

trình mục tiêu quốc gia tăng cao so với giai đoạn 2016 - 2020<sup>6</sup> (*Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới*), đây là nguồn lực to lớn tạo điều kiện cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cho các huyện miền núi của tỉnh. Đến nay, nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp, chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh, đặc biệt là 03 Chương trình MTQG đang triển khai, đời sống vật chất, tinh thần của người dân nói chung, đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng được cải thiện rõ rệt, từng bước thu hẹp khoảng cách về mức sống và sự phát triển giữa vùng miền núi với vùng đồng bằng của tỉnh.

- *Về đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng*: Hệ thống giao thông ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân; mạng lưới giao thông từ huyện đến xã, thôn đang từng bước được cải thiện<sup>7</sup>. Hệ thống hạ tầng cấp điện nông thôn miền núi được quan tâm đầu tư, xây dựng, đến nay tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt trên 96%. Tập trung giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt; đẩy nhanh việc hoàn thành các dự án định canh, định cư mới gắn với quy hoạch sắp xếp, ổn định dân cư, hạn chế và tiến tới chấm dứt tình trạng di cư tự phát<sup>8</sup>. Đến nay, có 88% hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; dự kiến đến năm 2025 đạt và khả năng vượt kế hoạch đề ra là 90%.

- *Về kêu gọi đầu tư, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*: Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hiện có 04 cụm công nghiệp, thu hút 08 dự án đầu tư, sản phẩm chủ yếu là chế biến dăm gỗ, ván bóc, gỗ thanh bán thành phẩm, chế biến tinh dầu quế và sản phẩm từ quế, tinh dầu sả...; giải quyết việc làm cho khoảng 1.000 lao động của các địa phương. Có 01 làng nghề và 05 làng nghề truyền thống, 07 nghề truyền thống đã được công nhận; toàn vùng đã thành lập 35 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (*cấp bù thủy lợi phí, dịch vụ vật tư nông nghiệp, sơ chế, chế biến các sản phẩm nông nghiệp*).

<sup>6</sup> Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tình giao cho 03 Chương trình MTQG là 3.500,732 tỷ đồng, gồm:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 1.216,317 tỷ đồng, gồm: Ngân sách trung ương là 1.105,696 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 110,612 tỷ đồng. Đã phân bổ các năm 2022, 2023 là 553,145 tỷ đồng (*chiếm tỷ lệ 45,5%*).

- Chương trình MTQG xóa đói giảm nghèo bền vững là 586,585 tỷ đồng, gồm ngân sách Trung ương là 512,206 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 74,379 tỷ đồng. Đã phân bổ các năm 2022, 2023 là 315,835 tỷ đồng (*chiếm tỷ lệ 53,8%*).

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 1.697,83 tỷ đồng, gồm ngân sách Trung ương là 482,830 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 1.215,0 tỷ đồng. Đã phân bổ 02 năm 2022, 2023 là 106,276 tỷ đồng.

<sup>7</sup> Đến nay, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 77% thôn có đường ô tô được cứng hóa, vượt kế hoạch đề ra (*theo kế hoạch đến năm 2025: Tỷ lệ thôn có đường ô tô được cứng hóa là 70%*).

<sup>8</sup> Thực hiện đầu tư 05 dự án quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung (*huyện Sơn Tây 03 dự án; huyện Ba Tơ 02 dự án*) và thực hiện bố trí dân cư. Đến nay còn 2.994 hộ thiếu đất sản xuất (*giảm 1.794 hộ so với năm 2020*).

- *Về thương mại và du lịch:* Nhiều loại hình tổ chức thương mại được hình thành, thu hút các thành phần kinh tế tham gia, đặc biệt là mạng lưới kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh, kể cả hộ nông dân vừa sản xuất vừa kinh doanh thương mại. Thị trường hàng hóa từng bước được mở rộng, các chợ trung tâm huyện, trung tâm cụm xã và chợ xã hoạt động hiệu quả, hàng hoá phong phú, đa dạng về chủng loại, cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Tham gia giới thiệu văn hóa, sinh hoạt truyền thống các dân tộc thiểu số tại Làng Văn hóa Du lịch các dân tộc Việt Nam hàng năm; xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, văn hóa truyền thống các dân tộc, sản xuất xê-ri phim để quảng bá du lịch gồm 06 tập tại 02 huyện Minh Long và Trà Bồng.

- *Về công tác giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới:* Tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giảm từ 41,08% (cuối năm 2014) xuống còn 24,26% (cuối năm 2023); riêng năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giảm 5,73%. Theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025<sup>9</sup>, cuối năm 2023, toàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có 16.078 hộ nghèo (chiếm 24,26%), số hộ cận nghèo là 8.048 hộ (chiếm 12,14%); trong đó có 15.306 hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số (chiếm 65,64%) so với tổng số hộ nghèo toàn tỉnh, 27,75% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số và 95,20% so với tổng số hộ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; số hộ cận nghèo người dân tộc thiểu số là 8.048 hộ (chiếm 37%) tổng số hộ cận nghèo toàn tỉnh, 12,69% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số và 86,94% so với tổng số hộ cận nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Toàn vùng có 59 xã thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, đến nay có 05 xã miền núi đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới, đạt 8,4%<sup>10</sup>; dự kiến đến năm 2025 sẽ có thêm 13 xã đạt chuẩn nông thôn mới<sup>11</sup>. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã ban hành Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 về ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới áp dụng trên địa bàn các xã miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025; bộ tiêu chí gồm 15 nội dung phù hợp với điều kiện thực tế trong xây dựng nông thôn mới ở miền núi của tỉnh Quảng Ngãi.

- *Về giải quyết việc làm, tạo cơ hội cho người dân thoát nghèo:* Giai đoạn 2019 - 2023, bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho hơn 5.000 lao động là người dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp cả tỉnh duy trì ở mức dưới 3%. Thực hiện công tác giảm nghèo bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hầu hết các hộ nghèo đều

<sup>9</sup> Theo Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 theo tiêu chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

<sup>10</sup> Xã Long Sơn, Thanh An của huyện Minh Long; xã Sơn Hạ, Sơn Thành của huyện Sơn Hà; xã Nghĩa Sơn của huyện Tư Nghĩa.

<sup>11</sup> Xã Trà Giang, Trà Tân, Trà Thủy của huyện Trà Bồng; xã Sơn Linh, Sơn Kỳ, Sơn Trung của huyện Sơn Hà; xã Sơn Dung, Sơn Mùa của huyện Sơn Tây; xã Long Hiệp, Long Mai của huyện Minh Long; xã Ba Liên, Ba Điền, Ba Vì của huyện Ba Tơ.

tiếp cận và thụ hưởng các chính sách giảm nghèo của Nhà nước, nhất là có cơ hội nhiều hơn để tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi phục vụ sản xuất, tăng thu nhập<sup>12</sup>.

- *Về phát triển văn hóa*: Việc xây dựng mới các thiết chế văn hóa và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm<sup>13</sup>. Triển khai thực hiện Dự án Trung tâm bảo tồn văn hóa Hrê tại huyện Sơn Hà và đang đề xuất đầu tư Dự án Khu bảo tồn văn hóa dân tộc Co. Thực hiện sưu tầm, nghiên cứu, đăng tải nhiều bài nghiên cứu giá trị về văn hóa cổ truyền người Co, Hrê, Ca Dong. Đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa công chiêng, đàn hát dân ca, dân vũ nhạc cụ, giao lưu văn hóa cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn; dạy dân ca, sử dụng nhạc cụ truyền thống dân tộc Co, Hrê, Ca Dong tại các huyện miền núi.

- *Về phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí*: Cơ sở vật chất trường, lớp học được quan tâm đầu tư nâng cấp theo hướng kiên cố; đẩy mạnh việc xây dựng trường phổ thông dân tộc bán trú, nội trú; nhà công vụ, nhà ở học sinh bán trú, nội trú và mua sắm trang thiết bị dạy học; qua đó đã góp phần quan trọng huy động học sinh đến trường, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, nâng cao chất lượng giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi<sup>14</sup>. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã thực hiện các mô hình, phương pháp mới trong dạy và học đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng giáo dục các cấp học<sup>15</sup>. Thực hiện phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông theo hướng tăng nhanh tỷ lệ học sinh tham gia học tập trình độ trung cấp và cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Triển khai có hiệu quả đề án dạy nghề cho lao động nông thôn với các hình thức dạy nghề đa dạng, phù hợp với đặc điểm và điều kiện phát triển của từng địa phương.

- *Về y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân*: Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi luôn được quan tâm đầu tư phát triển toàn diện nhằm mục tiêu bảo đảm công tác

<sup>12</sup> Về chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất từ nguồn vốn Ngân hàng chính sách xã hội và các nguồn vốn tín dụng khác, có 556.014 lượt hộ được vay vốn với 7.708,258 tỷ đồng (*riêng cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn có 2.489 hộ vay với tổng số vốn 16,21 tỷ đồng*).

<sup>13</sup> Đến nay, các huyện miền núi đều có trung tâm văn hóa - thể thao cấp huyện, 32/60 trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã, đạt 53,3%; có 254/266 nhà sinh hoạt văn hóa thôn, đạt 95,5%; có 03 di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc Co, Hrê được nghiên cứu, lập hồ sơ đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Đưa vào sử dụng Khu Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa thôn Làng Teng, xã Ba Thành, huyện Ba Tơ.

<sup>14</sup> Đến nay, có 17/70 trường mầm non (*tỷ lệ 24,29%*), 19/43 trường tiểu học (*tỷ lệ 55,88%*), 23/70 trường trung học cơ sở (*tỷ lệ 32,85%*) và 05/10 trường trung học phổ thông (*tỷ lệ 50%*) tại các huyện miền núi đạt chuẩn quốc gia. Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt trên 99,44%, học sinh học tiểu học đến trường đạt trên 97%, học sinh trung học cơ sở đến trường đạt trên 94,51%, học sinh trung học phổ thông đến trường đạt trên 57,76%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt 90%.

<sup>15</sup> Đến nay, tất cả các huyện miền núi đều được công nhận hoàn thành công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; 100% trẻ em người dân tộc thiểu số được tăng cường tiếng Việt phù hợp theo độ tuổi; tỷ lệ học sinh tiểu học hoàn thành chương trình tiểu học đạt 98%.



bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới<sup>16</sup>. Các Trung tâm Y tế huyện đã được đầu tư các trang thiết bị y tế chuyên dụng thông thường theo danh mục trang thiết bị của Bệnh viện hạng III của Bộ Y tế và nhiều trang thiết bị y tế hiện đại khác; các Trạm Y tế cũng đã được đầu tư trang thiết bị y tế theo quy định<sup>17</sup>. 100% các cơ sở khám, chữa bệnh tuyến huyện và tuyến xã miền núi đã triển khai phần mềm Quản lý bệnh viện, kết nối liên thông hệ thống Bảo hiểm xã hội tỉnh và công dữ liệu Bộ Y tế.

*2.4. Về kết quả phát động các phong trào toàn dân tham gia phòng, chống mê tín dị đoan và tệ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" gắn với Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị mới, đô thị văn minh", các phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"*

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã tổ chức phát động, xây dựng các mô hình "Khu dân cư lành mạnh không có tệ nạn mê tín dị đoan, nghi kỵ cầm đồ thuốc độc", "Khu dân cư đảm bảo an toàn trật tự", "Khu dân cư không nghi kỵ cầm đồ thuốc độc, cúng chết người" (đến nay đã xây dựng được 72 mô hình),...; gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị mới, đô thị văn minh"; các phong trào: "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"; phong trào thi đua "Dân vận khéo"<sup>18</sup>. Vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh; phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số; xóa bỏ những tập tục lạc hậu, xây dựng cộng đồng dân cư đồng thuận, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Tổ chức phát động trong đoàn viên, hội viên và nhân dân thi đua tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm; vận động bà con nhân dân tích cực lao động sản xuất, áp dụng khoa học, kỹ thuật vào trồng rừng, lúa nước, chăn nuôi, vay vốn để phát triển kinh tế gia đình, thực hiện tốt các hoạt động an sinh xã hội. Qua đó, góp phần giảm nghèo bền vững, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từ năm 2014 đến nay, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị -

<sup>16</sup> Tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng hồ sơ y sinh đạt 53,2%. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm xuống còn 27,5%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt trên 98%; giữ vững thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh; giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em (tỷ suất tử vong trẻ em dân tộc thiểu số dưới 1 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống đạt 0,02; tỷ suất tử vong trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống đạt 0,51).

<sup>17</sup> 100% Trạm Y tế xã có bác sĩ, trong đó xã của huyện miền núi đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 71,42% năm 2023, ước đến 2025 đạt khoảng 80%. Hiện nay, các huyện miền núi có đội ngũ cán bộ y tế với 135 bác sĩ (trong đó có hơn 35 bác sĩ là người dân tộc thiểu số) công tác tại các cơ sở khám chữa bệnh tuyến huyện, tuyến xã.

<sup>18</sup> Từ năm 2014 đến nay, các huyện miền núi đã xây dựng được 3.064 mô hình "Dân vận khéo" trên các lĩnh vực đời sống xã hội. Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, các địa phương ở các huyện miền núi đã vận động nhân dân đóng góp 54.737 ngày công với hơn 62 tỷ đồng để xây dựng các công trình phúc lợi xã hội, làm đường bê tông nông thôn với tổng chiều dài 431 km, kiên cố hóa 268,5 km kênh mương nội đồng, thấp sáng hơn 139 km đường giao thông nông thôn với 3.407 bóng điện; qua tuyên truyền vận động, nhân dân đã tự nguyện hiến 192.181 m<sup>2</sup> đất mở rộng nâng cấp đường giao thông nông thôn.

xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã tổ chức 658 đợt tuyên truyền, phát động, giải thích cho 101.986 lượt người dân; phối hợp với các cơ quan chức năng giải quyết 57/59 vụ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" thông qua hình thức vận động, hòa giải tại cộng đồng.

- UBND các huyện chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành liên quan phối hợp tuyên truyền, phổ biến kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa, an ninh, trật tự và môi trường để nâng cao nhận thức trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số; tham gia phát hiện, tố giác, phòng, chống tội phạm, các hoạt động mê tín dị đoan, nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc"; cảm hoá, giáo dục giúp đỡ người làm lỗi hòa nhập cộng đồng, phòng ngừa, ngăn chặn các tệ nạn xã hội. Dành thời lượng thích hợp trong chương trình truyền thanh để tuyên truyền các văn bản pháp luật, gương người tốt, việc tốt, các mô hình, điển hình tiên tiến trong phong trào tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hoà giải về an ninh, trật tự và phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; các mô hình văn hóa,...

- Chú trọng nâng cao hiệu quả công tác xây dựng thôn, tổ dân phố, xã, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt chuẩn văn hóa, an toàn về an ninh, trật tự. Hàng năm, tổ chức có hiệu quả "Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"; thông qua Ngày hội đã giáo dục cho nhân dân về truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, nâng cao tinh thần cảnh giác, kiên quyết đấu tranh với hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Từ đó, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đã thực sự vững mạnh; nâng cao nhận thức và đã phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân cùng tham gia, góp phần kiềm chế tội phạm, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

### *2.5. Kết quả giải quyết các vụ việc liên quan đến nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" từ năm 2014 đến nay trên địa bàn các huyện miền núi*

Trong 10 năm qua, Ban Thường vụ các huyện miền núi đã lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đảng ủy các xã, thị trấn tăng cường công tác nắm tình hình tư tưởng, tâm tư nguyện vọng của nhân dân, kịp thời phát hiện khi có dấu hiệu mâu thuẫn, liên quan đến nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" để tuyên truyền, giải thích, ngăn chặn ngay tại cơ sở, không để nhân dân tự giải quyết bằng hình thức phạt vạ lẫn nhau. Đồng thời, chỉ đạo điều tra, xác minh làm rõ, đưa ra kiểm điểm trước dân đối với các vụ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" nhằm giáo dục, răn đe ngay tại địa bàn thôn, khu dân cư, không để xảy ra điểm nóng ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Khi xảy ra vụ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc", lực lượng công an các cấp tập trung bám sát địa bàn nắm chắc diễn biến tình hình vụ việc, tổ chức xác minh, xác định nguyên nhân, tính chất, phạm vi ảnh hưởng, hậu quả tác hại,

đôi tượng bị nghi, số lượng, thành phần, vai trò của từng đôi tượng nghi... Trên cơ sở đó, tham mưu cho cấp thẩm quyền thành lập đoàn công tác liên ngành tổ chức giải quyết vụ việc. Triển khai lực lượng bảo vệ tính mạng, tài sản người bị nghi, ngăn chặn hành vi quá khích, vi phạm pháp luật của người dân; tổ chức họp dân để giải thích làm rõ những mâu thuẫn dẫn đến nghi kỵ; phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn phần tử xấu lợi dụng tình hình trên để móc nối, lôi kéo, kích động gây phức tạp về an ninh, trật tự; tổ chức giáo dục cá biệt, đưa ra kiểm điểm trước dân, xử lý hành chính hoặc hình sự các đối tượng vi phạm pháp luật; bên cạnh đó, làm tốt việc tranh thủ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tham gia giải quyết những vụ việc liên quan đến nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc", nhất là ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa. Đối với các vụ việc xảy ra chết người không rõ nguyên nhân mà thân nhân cho rằng do trúng "đồ độc", kịp thời báo cáo cấp trên điều tra làm rõ nguyên nhân, tính chất sự việc; hỗ trợ, động viên gia đình an táng người bị hại; tiến hành các mặt công tác nhằm ổn định tình hình.

Từ năm 2014 đến nay, trên địa bàn các huyện miền núi xảy ra 57 vụ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc"<sup>19</sup>, đã giải quyết thông qua công tác vận động, hòa giải 55/57 vụ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" (*có Phụ lục 2 kèm theo*); 02 vụ khởi tố hình sự, 05 bị can<sup>20</sup>.

### III. Đánh giá chung

#### 1. Ưu điểm

Các cấp ủy đảng, chính quyền đã quán triệt sâu rộng nội dung Chỉ thị số 30-CT/TU đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân trong quá trình thực hiện. Công tác ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh đã có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; số vụ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" giảm đáng kể so với trước khi có Chỉ thị số 30-CT/TU. Kinh tế - xã hội các huyện miền núi được quan tâm đầu tư phát triển, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh được ổn định.

<sup>19</sup> Năm 2014: 11 vụ, năm 2015: 07 vụ, năm 2016: 07 vụ, năm 2017: 09 vụ, năm 2018: 04 vụ, năm 2019: 01 vụ, năm 2020: 01 vụ, năm 2021: 04 vụ, năm 2022: 06 vụ, năm 2023: 07 vụ.

<sup>20</sup> *Nội dung vụ việc:* (1) Đêm ngày 19/11/2016, tại tổ Gò Rủ, thôn Nước Giáp, xã Ba Khâm, thanh niên trong thôn có ăn nhậu và có bà Phạm Thị Hương cùng ngồi uống chung và sau đó có qua tiếng lại giữa thanh niên và bà Phạm Thị Hương, cũng trên cơ sở vụ việc giải quyết trước đây, người dân hay nghi, né tránh bà Hương vì nghi kỵ bà Hương có cầm đồ, thuốc độc dẫn đến thanh niên đánh bà Phạm Thị Hương, gây thương tích dẫn đến tử vong. (2) Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 02/7/2020, tại thôn Làng Tốt, xã Ba Lẽ, các ông Phạm Văn Nghê, Phạm Văn Soi, Phạm Văn Cua và Phạm Văn Lối đến nhà Phạm Văn Cua uống rượu. Trong lúc uống rượu, ông Soi nói ông Lối "cầm đồ thuốc độc" làm cha của ông Soi bị chết nên giữa ông Soi và ông Lối sảy ra cãi vã, xô xát với nhau. Khi ông Lối đi về, ông Cua và ông Nghê đuổi theo chặn đường ông Lối, ông Soi dùng rựa chém nhiều nhát vào đầu, cổ ông Lối khiến ông Lối chết tại chỗ. Sau khi đánh xong, ông Soi lôi xác ông Lối ra đến bờ sông Liên, tiếp tục dùng đá đập nhiều cái vào đầu, mặt ông Lối, rồi thả xác ông Lối trôi sông. Vụ việc sau đó đã bị khởi tố.

## 2. Hạn chế và nguyên nhân

### 2.1. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TU vẫn còn một số hạn chế:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến đồng bào dân tộc thiểu số ở một số cấp ủy, chính quyền, địa phương chưa được quan tâm đúng mức. Nội dung, phương pháp, hình thức quán triệt, tuyên truyền, giáo dục, phòng ngừa, đấu tranh, phản bác, bài trừ tệ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc", mê tín dị đoan chưa đổi mới, chưa sâu rộng, hiệu quả chưa cao, chưa tạo được điểm nhấn để thu hút đông đảo quần chúng tham gia dẫn đến việc nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân còn hạn chế, còn mê tín, tin vào cúng bái, thần linh một cách mù quáng.

- Việc thực hiện các chính sách dân tộc để phát triển kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, nhất là việc đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, những nơi xảy ra tệ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" tuy được quan tâm, đầu tư nhưng chưa giải quyết triệt để những khó khăn của đồng bào dân tộc thiểu số về kinh tế, văn hóa, giáo dục. Chất lượng giáo dục tuy đã được nâng lên nhưng nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao dân trí; mạng lưới y tế cơ sở được mở rộng nhưng nguồn nhân lực, trang thiết bị vẫn còn thiếu thốn, chất lượng dịch vụ y tế tuyến cơ sở chưa đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

- Công tác vận động, tranh thủ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tham gia tuyên truyền, vận động ở một số địa phương chưa hiệu quả; cá biệt một số người có uy tín nhưng vẫn tin, sợ đối tượng bị nghi có "cầm đồ thuốc độc" nên chưa phát huy tính tiên phong trong công tác tuyên truyền, giáo dục; chưa mạnh dạn, cương quyết khi tham gia giải quyết các vụ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc".

- Phương châm, quan điểm, biện pháp, cách thức giải quyết khi có vụ việc nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" xảy ra đôi lúc không thống nhất nên còn lúng túng; có trường hợp giải quyết vụ việc theo phong tục tập quán cũ (*phạt vạ, xóa phép, ăn thề...*) hoặc phó thác cho lực lượng Công an.

### 2.2. Nguyên nhân

Tồn tại, hạn chế nêu trên là do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Một số cấp ủy, chính quyền địa phương, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống chưa quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh phản bác tư tưởng mê tín dị đoan, bài trừ các tập tục lạc hậu, trong đó có tệ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc". Một số nơi khi phát hiện vụ việc nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" giải quyết không

triệt để dẫn đến kéo dài, âm ỉ trong nội bộ Nhân dân.

- Công tác nắm tình hình ở một số địa phương chưa thật sự chủ động; một số vụ việc phát sinh còn để kéo dài, tích tụ và nảy sinh nhiều mâu thuẫn mới phức tạp; công tác phối hợp giữa các cấp, ngành còn nhiều bất cập; chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và sự tham gia tích cực của đông đảo nhân dân trong công tác phòng, chống, đấu tranh xóa bỏ các tập tục lạc hậu và tệ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc".

- Một số cán bộ làm công tác tuyên truyền, vận động ít am hiểu về phong tục tập quán; không biết ngôn ngữ của đồng bào dân tộc thiểu số nên khó khăn trong thực hiện công tác, hiệu quả chưa cao.

- Do tác động bởi đặc điểm địa lý, tập quán, điều kiện sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn (*tại các vùng hẻo lánh, vùng sâu, vùng xa, ven sông, suối*) nên việc đi lại giao thương gặp nhiều khó khăn, trong khi đó trình độ dân trí thấp, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội không thuận lợi, hoạt động mê tín dị đoan vẫn còn tồn tại (*thầy bói, thầy cúng, thầy mo,...*). Quan niệm về "cầm đồ thuốc độc" đã tồn tại lâu đời, thấm sâu vào tiềm thức của đồng bào dân tộc thiểu số. Nhiều sự việc, hiện tượng phát sinh trong đời sống xã hội chưa được lý giải trên cơ sở khoa học mà chủ yếu truyền miệng từ đời này sang đời khác; đây là nguyên nhân tồn tại các tập tục lạc hậu trong đó có tệ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" trong đồng bào dân tộc thiểu số.

### **3. Bài học kinh nghiệm**

Qua quá trình triển khai thực hiện, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm để ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi tệ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" một cách hiệu quả, đó là:

*Thứ nhất*, công tác phòng, chống tệ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" là công tác có tính xã hội cao, cần tiến hành thường xuyên, liên tục, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị (*trong đó Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt*) và đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền.

*Thứ hai*, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động ở cơ sở, gắn với việc xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư; nâng cao, thực hiện tốt công tác tranh thủ, phát huy vai trò người có uy tín trong phối hợp giải quyết các mâu thuẫn ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời, thực hiện đồng bộ các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, y tế, giáo dục; từng bước cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, nâng cao dân trí.

*Thứ ba*, khi xảy ra dấu hiệu vụ việc nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc", các ban, ngành chức năng ở địa phương phải tích cực phối hợp tiến hành nắm tình hình, làm rõ thực chất vụ "cầm đồ thuốc độc" một cách khách quan để từ đó đề xuất biện pháp giải quyết có lý, có tình nhưng phải bảo đảm các quy

định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật phải kiên quyết răn đe đối tượng vi phạm, sau đó tuyên truyền rộng rãi cho người dân trong vùng hiểu, xóa bỏ hủ tục lạc hậu và cam kết xây dựng nếp sống văn hóa khu dân cư.

#### **IV. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới**

1. Tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chủ trương của tỉnh về công tác dân tộc. Trọng tâm là: Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 20/10/2015 của Ban Bí thư về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (*khóa IX*) về công tác dân tộc trong tình hình mới; Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045,...

2. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 30-CT/TU gắn với thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới; các chương trình chính sách dân tộc của Trung ương, của tỉnh trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao dân trí.

3. Triển khai thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 17/8/2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 04/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân tộc nhằm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao dân trí, thoát nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa chính quyền với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội nhằm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân và đồng bào dân tộc thiểu số; phân tích rõ tác hại của tệ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc"; phát huy những phong tục, các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng đời sống tiến bộ, lành mạnh; phòng, chống, tiến tới xóa bỏ tập tục lạc hậu, phản khoa học.

5. Nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện ngay từ khi mới phát sinh dư luận trong nội bộ cộng đồng dân cư liên quan đến tệ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc"; đề ra biện pháp tuyên truyền, lý giải sự việc, hiện tượng trên cơ sở khoa học và tham mưu cấp ủy, chính quyền hướng xử lý thích hợp, không để các thế lực thù địch, phần tử xấu lợi dụng móc nối, lôi kéo, kích động tập trung đông người gây rối an ninh, trật tự. Quản lý, răn đe, giáo dục các đối tượng là

thầy bói, thầy cúng, thầy mo..., không để số đối tượng này hoạt động mê tín dị đoan, phát ngôn thiếu cơ sở khoa học làm cho đồng bào dân tộc thiểu số hoang mang, lo sợ.

**6.** Phát huy tốt vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng cho người có uy tín về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỹ năng tuyên truyền, vận động và giải quyết những mâu thuẫn xảy ra tại địa phương; đồng thời, phát huy tính tiên phong, gương mẫu, khả năng tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số tích cực tham gia, kiểm chế và từng bước đẩy lùi các tập tục lạc hậu, tiến tới xóa bỏ tệ nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc".

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (*báo cáo*),
- Văn phòng Trung ương Đảng (*báo cáo*),
- Ban Dân vận Trung ương (*báo cáo*),
- Cơ quan BDVTW tại Đà Nẵng (*báo cáo*),
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- VPTU: CVP, PCVP; P. Tổng hợp,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Đặng Ngọc Huy**